ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 3325 /QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 08 tháng 09 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và điều chỉnh, bổ sung giá trị cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định (đợt 35)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất ở cụ thể để lập

phương án bồi thường, GPMB dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại Tờ trình số 138/TTr-HĐBT ngày 05/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và điều chỉnh, bổ sung giá trị cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (đợt 35), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và tài sản trên đất cho một số hộ dân; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **6.067.407.176 đồng** *(Sáu tỷ, không trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn, một trăm bảy mươi sáu đồng)*, trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 5.948.438.408 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 118.968.768 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

2. Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và tài sản trên đất cho một số hộ dân, tổ chức (phần diện tích nằm trong quy hoạch dự kiến xây dựng đường cao tốc); chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **256.465.842 đồng** *(Hai trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi hai đồng),* trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 251.437.000 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 5.028.742 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

3. Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất ở và tài sản trên đất cho 01 hộ dân; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **1.444.052.305 đồng** *(Một tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm lẻ năm đồng)*, trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 1.415.737.554 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 28.314.751 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 03 kèm theo Quyết định này)

4. Bố trí tái định cư cho 01 hộ dân đủ điều kiện tại Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A.

(Chi tiết như Phụ lục số 04 kèm theo Quyết định này)

5. Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ của một số hộ dân, tổ chức đã được phê duyệt tại Quyết định số 4060/QĐ-UBND ngày 04/10/2021, Quyết định số 2767/QĐ-UBND ngày 02/7/2021, Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày

17/8/2021, Quyết định số 5357/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 10/1/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

(Chi tiết như Phụ lục số 05 kèm theo Quyết định này)

6. Giá trị hỗ trợ mộ có xác chưa phân huỷ cho 01 hộ dân; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **5.712.000 đồng** *(Năm triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng)*, trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 5.600.000 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 112.000 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 06 kèm theo Quyết định này)

* Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Công ty cổ phần Becamex Bình Định.

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Giám đốc Công ty cổ phần Becamex Bình Định; Chủ tịch UBND huyện Vân Canh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Tuấn Thanh

Số: 3325/QĐ-UBND
Thời gian ký: 08/09/2023 07:54:39 +07:00

Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 35)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Nhân khẩu	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi đo đạc năm 2017					Loại đất	Vị trí/ Khu vực	Hạng/ nhóm đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ						Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
				Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m^2)	Diện tích thu hồi (m^2)	Diện tích còn lại (m^2)				Bồi thường, hỗ trợ về đất	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ bằng 03 lần giá đất nông nghiệp	Hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường cây cối, hoa màu	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, VKT,	
I	**Đất của hộ gia đình, cá nhân**											**1.431.726.250**	**536.558.700**	**2.796.571.200**	**1.080.000**	**381.662.080**	**31.985.778**	**5.179.584.008**
1	Lê Minh Hoàng	Tân Vinh		32	6	6.977,0	6.977,0	0,0	RSX	2	1	97.678.000		146.517.000		97.553.600	20.716.476	362.465.076
2	Nguyễn Đức Quang	Tân Vinh		56	6	12.308,6	3.721,6	8.587,0	RSX	2	1	52.102.400		78.153.600		27.191.400	7.860.732	165.308.132
3	Lê Nguyên Thân	Tân Vinh		229	6	753,2	439,2	314,0	RSX	2	1	6.148.800		9.223.200		3.156.300	3.408.570	21.936.870
4	Cao Thiệt (Chết), vợ Lương Thị Ngọc Dung, con Cao Lương Phú ĐDKK	Hiệp Vinh 1		95	6	9.958,4	9.958,4	0,0	CLN	1	5	229.043.200		687.129.600		41.256.920		957.429.720
5	Huỳnh Hữu Ích	Hiệp Vinh 2		211	2	4.622,8	4.622,8	0,0	RSX	2	1	64.719.200	97.078.800			267.000		162.065.000
6	Nguyễn Văn Mương	Hiệp Vinh 2		94	13	5.048,1	5.048,1	0,0	CLN	1	5	116.106.300	348.318.900			30.040.500		494.465.700
7	Trần Thị Nga	Hiệp Vinh 2		38	14	4.219,5	4.219,5	0,0	RSX	2	1	59.073.000		88.609.500		22.501.500		170.184.000
8	Nguyễn Văn Dũng, Vợ Đào Thị Nhàn	Tân Vinh		26	6	32.088,3	32.088,3	0,0	HNK	1	6	741.716.150		1.734.810.000		134.770.860		2.611.297.010
9	Lê Thị Vân	Hiệp Vinh 2	1	47	27	868,2	868,2	0,0	LUK	1	6	30.387.000	91.161.000		1.080.000	2.919.000		125.547.000
10	Nguyễn Đức Thành , vợ Phạm Thị Vinh	Kinh tế		134	2	505,8	505,8	0,0	RSX	2	1	7.081.200		10.621.800		1.005.000		18.708.000
11	Lê Văn Tình, vợ Trần Thị Bốn	Hiệp Vinh 2		330	20	1.976,5	1.976,5	0,0	RSX	2	1	27.671.000		41.506.500		21.000.000		90.177.500
II	**Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm**											**0**	**438.505.200**	**326.029.200**	**4.320.000**	**0**	**0**	**768.854.400**
1	Đào Duy Đôn	Phước Thành, Tuy Phước		31	2	15.525,2	15.525,2	0,0	RSX	2	1			326.029.200				326.029.200

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Nhân khẩu	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi đo đạc năm 2017					Loại đất	Vị trí/ Khu vực	Hạng/ nhóm đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ						Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
				Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m^2)	Diện tích thu hồi (m^2)	Diện tích còn lại (m^2)				Bồi thường, hỗ trợ về đất	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ bằng 03 lần giá đất nông nghiệp	Hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường cây cối, hoa màu	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, VKT,	
2	Trương Thị Ái Lành	Đại Lãnh, Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	1	341	2	20.881,2	20.881,2	0,0	RSX	2	1		438.505.200		4.320.000			442.825.200
A-	**Tổng giá trị BT, HT**																	**5.948.438.408**
B-	**Chi phí phục vụ GPMB: (A*2%)**																	**118.968.768**
C-	**Tổng cộng (A+B)**																	**6.067.407.176**

Số: 3325/QĐ-UBND
Thời gian ký: 08/09/2023 07:54:55 +07:00

Phụ lục số 02

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN, TỔ CHỨC BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB CÓ DIỆN TÍCH NẰM TRONG QUY HOẠCH DỰ KIẾN XÂY DỰNG ĐƯỜNG CAO TỐC ĐI QUA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH (ĐỢT 35)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Nhân khẩu	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi đo đạc năm 2017					Loại đất	Vị trí/Khu vực	Hạng / nhóm đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
				Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m^2)	Diện tích thu hồi (m^2)	Diện tích còn lại (m^2)				Bồi thường về đất	Hỗ trợ bằng 03 lần giá đất nông nghiệp	Bồi thường cây cối, hoa màu		
I	**Đất của hộ gia đình, cá nhân**					**9.158,0**	**6.475,5**	**1.769,1**				**90.657.000**	**135.985.500**	**24.794.600**	**251.437.100**	
1	Nguyễn Văn Hương	Tân Vinh		136	6	5.089,7	3.965,5	1.124,2	RSX	2	1	55.517.000	83.275.500	275.000	139.067.500	
2	Lê Nhật Sinh, vợ Nguyễn Thị Phương Hòa	Tân Vinh		22	31	3.647,9	2.213,1 913,4	521,4	RSX	2	1	30.983.400	46.475.100	20.697.600	98.156.100	913,4m2 là Đất do UBND xã quản lý
3	Nguyễn Ngọc Tiên	Tân Vinh		220	6	420,4	296,9	123,5	RSX	2	1	4.156.600	6.234.900	3.822.000	14.213.500	123,5m2 là Đất do UBND xã quản lý
II	**Tổ chức**					**4.068,3**	**1.036,9**	**3.031,4**				**0**	**0**	**0**	**0**	
1	UBND xã Canh Vinh	Hiệp Vinh 1		22	31	3.647,9	913,4	2.734,5								
				220	6	420,4	123,5	296,9								
A-	**Tổng giá trị BT, HT**														**251.437.100**	
B-	**Chi phí phục vụ GPMB: (A*2%)**														**5.028.742**	
C-	**Tổng cộng (A+B)**														**256.465.842**	

Số: 3325/QĐ-UBND
Thời gian ký: 08/09/2023 07:55:13 +07:00

Phụ lục số 03

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT CHO 01 HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 35)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m^2)	Diện tích bị thu hồi (m^2)	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Giá trị bồi thường, hỗ trợ		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Nhà cửa VKT	Cây cối, hoa màu	Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
								Đất ở được BT, HT (m^2)	Đất vườn được BT, HT (m^2)	Đất NN được BT, HT (m^2)	Đất không được BT, HT (m^2)	Bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm (đồng)						
	a	b	c	d	e	f	g	h	j	k	k	l	o	1	2	3	4	5	6=1+2+3+4+5
1	Hà Thị Mười	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	219	2	ONT+ CLN+ RSX	8.025,7	7.630,4	400,0	1.323,1	5.907,3		571.693.400	344.349.450	916.042.850	363.161.004	97.113.700	32.420.000	7.000.000	1.415.737.554
A	**Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ**																		**1.415.737.554**
B	**Chi phí phục vụ GPMB (2%)**																		**28.314.751**
C	**Tổng cộng:**																		**1.444.052.305**

Số: 3325/QĐ-UBND
Thời gian ký: 08/09/2023 07:55:31 +07:00

Phụ lục số 04

BẢNG TỔNG HỢP 01 HỘ DÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH (ĐỢT 35)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m^2)	Diện tích bị thu hồi (m^2)	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Diện tích đất ở đủ điều kiện giao đất tái định cư (m^2)	Khu Tái định cư
								Đất ở được BT, HT (m^2)	Đất vườn được BT, HT (m^2)	Đất NN được BT, HT (m^2)	Đất không được BT, HT (m^2)		
1	Hà Thị Mười	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	219	2	ONT+CLN + RSX	8.025,7	7.630,4	400,0	1.323,1	5.907,3		400,0	Khu Tái định cư-dân cư Hiệp Vinh 1A
Tổng cộng:												**400,0**	

Số: 3325/QĐ-UBND
Thời gian ký: 08/09/2023 07:55:45 +07:00

Phụ lục số 05

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIẢM GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN, TỔ CHỨC ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 4060/QĐ-UBND NGÀY 04/10/2021, QUYẾT ĐỊNH SỐ 2767/QĐ-UBND NGÀY 02/7/2021, QUYẾT ĐỊNH SỐ 5357/QĐ-UBND NGÀY 31/12/2021, QUYẾT ĐỊNH SỐ 3416/QĐ-UBND NGÀY 17/8/2021 và QUYẾT ĐỊNH SỐ 89/QĐ-UBND NGÀY 10/01/2023 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi đo đạc năm 2017					Giá trị điều chỉnh giảm (đồng)	Ghi chú
			Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m^2)	Diện tích thu hồi (m^2)	Diện tích còn lại (m^2)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
Quyết định 4060/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh									
1	Trần Văn Ơi	38 Phùng Khắc Khoan, phường Đống Đa, tp Quy Nhơn	38	14	4.219,5	4.219,5	0,0	81.574.500	Điều chỉnh giảm diện tích thu hồi, giá trị bồi thường, hỗ trợ.
A-	**Giá trị điều chỉnh giảm**							**81.574.500**	
B-	**Giảm chi phí phục vụ GPMB: (A*2%)**							**1.631.490**	
C-	**Giảm chi phí dự trù cưỡng chế : (B*10%)**							**163.149**	
D-	**Tổng cộng (A+B+C)**							**83.369.139**	
Quyết định 2767/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh									
1	UBND xã Canh Vinh ĐDKK (Hộ vắng chủ)	Hiệp Vinh 2	94	13	5.048,1	5.048,1	0,0	77.592.600	Điều chỉnh giảm diện tích thu hồi, giá trị bồi thường, hỗ trợ.
A-	**Giá trị điều chỉnh giảm**							**77.592.600**	
B-	**Giảm chi phí phục vụ GPMB: (A*2%)**							**1.551.852**	
C-	**Giảm chi phí dự trù cưỡng chế : (B*10%)**							**155.185**	

D-	**Tổng cộng (A+B+C)**							**79.299.637**	
Quyết định 5357/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh									
1	Trần Văn Thành, vợ Trần Thị Ba	Hiệp Vinh 2	160	20	4.192,8	4.192,8	0,0	81.374.300	- Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường hỗ trợ. - Điều chỉnh thông tin thu hồi thửa đất: Số thửa: 160, TBĐ số 20, Tổng diện tích thửa đất: 2.216,3m^2, diện tích thu hồi 2.216,3m^2.
A-	**Giá trị điều chỉnh giảm**							**81.374.300**	
B-	**Giảm chi phí phục vụ GPMB: (A*2%)**							**1.627.486**	
C-	**Giảm chi phí dự trù cưỡng chế: (B*10%)**							**162.749**	
D-	**Tổng cộng (A+B+C)**							**83.164.535**	
Quyết định 3416/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh									
1	UBND xã Canh Vinh ĐDKK	Hiệp Vinh 2	211	2	4.622,8	4.622,8	0,0	64.986.200	Điều chỉnh giảm diện tích thu hồi, giá trị bồi thường, hỗ trợ.
A-	**Giá trị điều chỉnh giảm**							**64.986.200**	
B-	**Giảm chi phí phục vụ GPMB: (A*2%)**							**1.299.724**	
C-	**Giảm chi phí dự trù cưỡng chế: (B*10%)**							**129.972**	
D-	**Tổng cộng (A+B+C)**							**66.415.896**	
Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 10/1/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh									
1	Hà Thị Mười	Hiệp Vinh 2	219	2	8.025,7	7.630,4	395,3	759.923.203	- Điều chỉnh giảm diện tích thu hồi, giá trị bồi thường , hỗ trợ. (phụ lục 1). - Thu hồi 01 lô đất tái định cư có diện tích 150m^2 tại Khu Tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A. Tiền sử dụng đất hộ phải nộp do Công ty Cổ phần Becamex Bình Định xem xét quyết định (phụ lục 2).
A-	**Giá trị điều chỉnh giảm**							**759.923.203**	
B-	**Giảm chi phí phục vụ GPMB: (A*2%)**							**15.198.464**	
C-	**Tổng cộng (A+B)**							**775.121.667**	

Số: 3325/QĐ-UBND
Thời gian ký: 08/09/2023 07:56:00 +07:00

Phụ lục số 06

GIÁ TRỊ HỖ TRỢ CHO 01 HỘ DÂN CÓ MỘ CÓ XÁC CHƯA PHÂN HUỶ BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH (ĐỢT 35)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ thường trú	Đơn giá Mồ mả di dời		Tổng mộ	Giá trị BT mồ mả (đồng)	Giá trị BT, HT VKT (đồng)	Chi phí hỗ trợ bốc hài cốt	Giá trị hỗ trợ (đồng)
			Mộ đất	Mộ xây					
I	**Mộ có xác chưa phân hủy**				**1**				**5.600.000**
1	Huỳnh Long Phụng, vợ Đào Thị Lệ Thu	Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh		1	1			5.600.000	5.600.000
II	**Tổng cộng**								**5.600.000**
III	**Chi phí phục vụ GPMB (2%)=IIx2%**								**112.000**
IV	**Tổng kinh phí BT,HT =II+III**								**5.712.000**